

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 432/2018/HN-ST

Ngày: 23/8/2018

V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**.
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Hoàng Hoa
Bà Lê Thị Ngọc Ánh

- Thư ký phiên tòa: ông **Đỗ Thanh Phong** – cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Tuyết Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “*Xin ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Dương Quốc A**, sinh năm 1970;

Cư trú: ấp M, xã N, huyện X, Tiền Giang.

* Bị đơn: **Võ Thị B**, sinh năm 1969;

Cư trú: ấp M, xã N, huyện X, Tiền Giang.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn anh A trình bày:*

Anh và chị B tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới năm 1989 và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã N, huyện X cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 68 ngày 09/3/1990. Nguyên nhân do anh đi làm dành dụm tiền bạc, vàng, chị B tiêu xài hết, anh hỏi thì chị B không trả lời dẫn đến vợ chồng gây gổ, mặc dù sống chung một nhà mỗi lần gây gổ chị B xách đồ đi vài ngày mới về và nói xấu anh nên anh chị đã ly thân từ tháng 02/2018 đến nay. Nay, anh yêu cầu được ly hôn với chị B.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên C, sinh năm 1992 và D, sinh ngày 17/6/2001. Ly hôn, anh A giao quyền quyết định cho con tự chọn, nếu sống với anh thì anh sẽ nuôi dưỡng, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh A khai không có

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn chị B trình bày:*

Chị thống nhất với lời trình bày của anh A về thời gian, điều kiện kết hôn và có 02 con chung là đúng. Anh chị sống hạnh phúc, thời gian gần đây do anh A có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh A mỗi lần đi nhậu về đánh đập chị và con. Anh A mất điện thoại cho rằng chị lấy và đi nói xấu chị. Chị thống nhất vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng nguyên nhân do anh A gây ra. Nay, chị vẫn còn thương anh A, không đồng ý ly hôn.

Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn:

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D, sinh ngày 17/6/2001, riêng C, sinh năm 1992 đã trưởng thành. Chị không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị B khai không có.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Dương Quốc A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh A, chị B tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới năm 1989, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã N, huyện X cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 68 ngày 09/3/1990 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, anh A xin ly hôn, nguyên nhân do anh đi làm dành dụm tiền bạc, vàng, chị B tiêu xài hết, anh hỏi thì chị B không trả lời dẫn đến vợ chồng gây gỗ, mặc dù sống chung một nhà mỗi lần gây gỗ chị B xách đồ đi vài ngày mới về và nói xấu anh, anh không còn tình cảm với chị B nên anh chị đã ly thân từ tháng 02/2018 đến nay. Nay, anh yêu cầu được ly hôn với chị B. Chị B cho rằng, anh A có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác,

đánh đập chị nhiều lần, chị thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có nhưng do anh A gây ra. Từ tháng 10/2017 đến nay, chị không còn quan tâm đến anh A nữa nhưng chị vẫn còn thương anh A nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn anh chị trình bày là có nhưng không khắc phục được để kéo dài, làm ảnh hưởng hạnh phúc vợ chồng, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, khi xảy ra mâu thuẫn anh chị không có biện pháp hàn gắn dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh A là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên C, sinh năm 1992 đã trưởng thành và D, sinh ngày 17/6/2001. Xét yêu cầu nuôi con của chị Lan là có cơ sở bởi theo nguyện vọng của cháu Huy mong muốn được sống với mẹ. Do đó, cần giao cháu Huy cho chị B nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con, do chị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh A, chị B không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh A, chị B khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Anh A phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Dương Quốc A

- **Về tình cảm:** Cho anh Dương Quốc A được ly hôn với chị Võ Thị B.

- **Về con chung:** Giao cho chị Võ Thị B được nuôi dưỡng 01 con chung tên D, sinh ngày 17/6/2001. Chị B không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về án phí HNST:

Anh Dương Quốc A phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đồng theo biên lai số 0014789 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X. Như vậy, anh A đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày./.

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã N.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Phan Thanh Bình

